

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 61/2018/HS-ST
Ngày 16 - 10 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Nhà văn hóa Xuân Phương 3, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/TLST - HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1983 tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Phạm Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án (Tại bản án số 107/2015/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 03 tháng 11 năm 2016 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương); Tiền sự: Có 01 tiền sự (Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 13/2017/QĐ-TA ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc buộc Trần Văn T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 12 tháng do có hành vi sử dụng ma túy, đã chấp hành xong ngày 12 tháng 02 năm 2018); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 06 năm 2018 đến nay, “có mặt”.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Năm C.

+ Anh Hoàng Anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 08 giờ 00 ngày 01 tháng 6 năm 2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88S6 – xxxx đi từ nhà ở Thôn T đến khu đô thị Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc tìm và gặp bạn nghiện mới quen (chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) rồi cả hai rủ nhau đi mua ma túy về cùng sử dụng. Khi T gặp được người bạn nghiện thì T giao xe mô tô cho người bạn nghiện điều khiển trở T đi đến khu vực thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy Heroine của một người không quen biết với giá 450.000đ (trong đó T có 150.000đ và bạn nghiện của T có 300.000đ). Mua được ma túy, T cất gói ma túy vào 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Thăng Long màu vàng, sau đó cả 02 quay về thành phố P. Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, khi cả hai về đến hiệu thuốc của anh Hoàng Anh V ở tổ x, phường H, thành phố P thì dừng lại, T ngồi trên xe đứng đợi còn người bạn nghiện vào trong hiệu thuốc mua nước cất và xi lanh để sử dụng ma túy. Khi T đang đứng đợi thì bị Công an thành phố Phúc Yên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang T đang tàng trữ trái phép chất ma túy, còn người thanh niên đi cùng T bỏ chạy thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên người T 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 gói giấy màu trắng chứa cục bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu STT i8 màu hồng đen và 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát: 88S6 - xxxx.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên ra Quyết định số 193 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC 54) - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với mẫu vật niêm phong ký hiệu A1.

Tại kết luận giám định số 711/KLGD ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 0,4012g (Không phẩy bốn không một hai gam, không kể bao bì), loại Heroin. Hoàn lại mẫu vật sau giám định A1= 0,2179g và toàn bộ bao gói.

Tại Cáo trạng số 59/CT - VKSPY ngày 14 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Phúc Yên truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Trần Văn T; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01 tháng 6 năm 2018; phù hợp với vật chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại khu vực tổ x, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng (trọng lượng) là 0,4012g (Không phải bốn không mười hai gam), để sử dụng, thì bị Công an thành phố Phúc Yên phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 59/CT – VKSPY ngày 14 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là thành khẩn khai báo, nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tái phạm. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích, đồng thời đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc, chưa được xóa tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng dè dặt, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ mặc dù bị cáo là công nhân nhưng bị cáo lại là đối tượng nghiện và không có tài sản, bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Trần Văn T khai nhận, khoảng 09 giờ ngày 01 tháng 6 năm 2018, Trần Văn T cùng một người bạn nghiện không rõ tên, tuổi, địa chỉ mua của một người lạ mặt (không rõ tên tuổi) ở khu vực thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với giá 450.000đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chưa xác định được đối tượng bạn nghiện đi cùng T và đối tượng bán ma túy cho T, vì vậy đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[6] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu, tiêu hủy 0,2179g mẫu và toàn bộ bao gói được Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại sau giám định. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu STT i8 màu hồng đen của T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 88S6 – xxxx thu giữ của T khi bắt quả tang: Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là do T mượn của ông Trần Văn C (là bố đẻ của T) để làm phương tiện đi lại, ông C không biết việc T sử dụng xe vào mục đích phạm tội. Do vậy, ngày 28 tháng 8 năm 2018, cơ quan điều tra đã trả xe cho ông C là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 0,2179g (Không phải hai một bảy chín gam) mẫu cùng toàn bộ bao gói được hoàn lại sau giám định; trả lại cho Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu STT i8 màu hồng đen nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà